

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Sang;
2. Bà Phan Thị Hiền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nữ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023, bản tự khai và các lời khai cũng như lời trình bày trong phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Vợ chồng bà có đăng kí kết hôn vào ngày 29/10/2012 tại UBND xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi. Ông T có tính vũ phu, hay đánh đập bà. Ngoài ra bà còn phát hiện ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng ông Tiến vẫn không thay đổi, không cố gắng làm ăn, dành dụm lo cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần.

Vào tháng 4/2022, bà đã gửi đơn ly hôn ông Nguyễn Văn T đến Tòa án nhân dân huyện T, đồng thời bà cũng bỏ về nhà cha mẹ để ở thôn T, xã Q, huyện P để ở và vợ chồng đã sống ly thân; đến ngày 29/8/2022 Tòa án huyện T xử bác đơn xin ly hôn của bà.

Vào khoảng cuối năm 2023, bà tiếp tục gửi đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn T đến Tòa án nhân dân huyện T vì vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, sau đó bà rút đơn và Tòa ra quyết định đình chỉ vụ án (vì bản án xử vào ngày 29/8/2022 chưa được 01 năm mà bà đã gửi đơn).

Qua 02 lần nộp đơn ly hôn trên, bà cũng mong muốn cho ông T cơ hội để sửa đổi nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy nên bà không thể nào tiếp tục cuộc hôn nhân với ông T được nữa. Vợ chồng bà đã sống ly thân thời gian dài từ đầu năm 2022 đến nay, tình cảm không còn, hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Phát L, giới tính: Nam, sinh ngày 24/3/2016. Hiện con chung đang ở với ông Nguyễn Văn T. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đ và L đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thống nhất như lời khai của bà N về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông thừa nhận có mối quan hệ khác bên ngoài nhưng đã chấm dứt và mong bà Nhung tha thứ. Vì công việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn chứ không có mâu thuẫn nào nghiêm trọng.

Hôm nay ông xét thấy mâu thuẫn vợ chồng mặc dù xảy ra trầm trọng nhưng ông vẫn còn tình cảm với bà Nhung, ông hứa sẽ sửa đổi sai sót nên bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Phát L, giới tính: Nam, sinh ngày 24/3/2016. Hiện con chung đang ở với ông. Khi ly hôn, nếu hai con chung có nguyện vọng ở với ông thì ông sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 04/02/2014 (con chung của bà N và ông T) trình bày: Hiện nay cháu đang ở chung với cha (ông T). Khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng về chung sống với mẹ là bà Lê Thị Tuyết N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 24/3/2016 (con chung của bà N và ông T) trình bày: Hiện nay cháu đang ở chung với cha (ông T). Khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng về chung sống với mẹ là bà Lê Thị Tuyết N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa và đã chấp hành đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết N. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Phát L, giới tính: Nam, sinh ngày 24/3/2016 cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành (02 con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà N; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vụ án Hôn nhân và Gia đình khởi kiện ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa và đã chấp hành đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết Ng và ông Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 22/10/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T có tính vũ phu, hay đánh đập bà. Ngoài ra bà còn phát hiện ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, không cố gắng làm ăn, dành dụm lo cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà đã gởi đơn ly hôn đến Tòa vào tháng 4 năm 2022 nhưng Tòa án xử bác đơn ly hôn. Đến cuối năm 2023, bà Nhung tiếp tục gởi đơn xin ly hôn đến Tòa sau đó bà rút đơn đình chỉ vụ án. Đến tháng 01/2024, bà N lại tiếp tục gửi đơn ly hôn đến Tòa án....Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, việc bà cho ông T cơ hội để hàn gắn không được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay đã lâu, tình cảm không còn nên bà cương quyết yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T nhưng ông T không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà N. Nhưng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên đời sống chung không thể kéo dài được nữa là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Phát L, giới tính: Nam, sinh ngày 24/3/2016, hiện con chung đang ở với ông T. Khi ly hôn, giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (02 con chung Đ và L đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà N). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà N không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc bà Lê Thị Tuyết Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003467 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà Ng đã nộp xong án phí.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273; Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 04/02/2014 và Nguyễn Phát L, giới tính: Nam, sinh ngày 24/3/2016, hiện con chung đang ở với ông T. Khi ly hôn, giao hai con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (02 con chung Đ và L đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà N). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà N không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0003467 ngày 02/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà N đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Triều